

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HN - ST
Ngày: 18/02/2021
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Cương và bà Hồ Thị Hoa.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Cao Vũ Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2020/TLST - HNGĐ ngày 05/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXX - HN ngày 06/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐSt - HN ngày 25/01/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Đinh Kim Th, sinh năm: 1984. HKTT: Ấp Th T, xã Đ Th, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp Th T, xã Đ Th, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

* *Bị đơn:* Anh Trần Văn B, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Ấp Th T, xã Đ Th, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn nội dung khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đinh Kim Th trình bày và yêu cầu như sau:* Chị và anh Trần Văn B chung sống với nhau từ năm 1998. Trước khi chung sống thì anh chị có tìm hiểu nhau rồi mới tiến tới hôn nhân và có thực hiện việc đăng ký kết hôn đã được UBND xã T Th cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/3/2018.

Sau khi đám cưới, anh chị sinh sống tại ấp Th T, xã T Th cho đến tháng 9/2020 thì chị và anh B ly thân cho đến nay.

Trong thời gian vợ chồng chung sống thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh B hay đánh đập vợ con và chửi mắng vô cớ, không quan tâm, không lo lắng cho vợ con.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung cháu Trần Thị Ngọc M, (sinh ngày 23/8/1999) và cháu Trần Thị Ngọc L (sinh ngày 27/4/2000) và cháu Trần Văn L (sinh ngày 22/5/2007). Hiện nay, cháu M và cháu L đã đủ tuổi trưởng thành, cháu L đang chung sống cùng anh B.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có

Nay, chị xét thấy hôn nhân giữa chị và anh B không thể hàn gắn và cũng không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn B không có lời trình bày.*

* *Tại phiên tòa:*

- *Chị Th*: Yêu cầu được ly hôn với anh B; đồng ý giao cháu L cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Anh B*: Vắng mặt.

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Th được ly hôn với anh B; giao cháu L cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu; án phí chị Th chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn B là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị Th khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì anh B đang cư trú và sinh sống tại ấp Th T, xã T Th, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm đối với anh B nhưng anh B luôn vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của anh B không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh B. Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Th và anh B chung sống với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T Th cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/3/2018 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị Th về việc ly hôn với anh B, HĐXX xét thấy qua lời trình bày của chị Th, trong quá trình chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm và thường hay cự cãi, chị Th thường hay liên lạc với anh B để cho cơ hội hàn gắn nhưng anh B chỉ biết chửi mắng nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Anh chị đã ly thân từ tháng 9/2020 đến nay. Qua xác minh tại nơi cư trú, cho thấy trong thời gian sinh sống tại địa phương giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên bất đồng quan điểm là đúng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự để hòa giải nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh B không có mặt và tại phiên tòa chị Th cương quyết ly hôn với anh B vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được nữa. HĐXX xét thấy, việc anh chị ly thân từ tháng 9/2020 đến nay nhưng anh chị không tới lui để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Th và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị Th được ly hôn với anh B.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị Th xác nhận, vợ chồng có 03 con chung cháu Trần Thị Ngọc M, (*sinh ngày 23/8/1999*) và cháu Trần Thị Ngọc L (*sinh ngày 27/4/2000*) và cháu Trần Văn L (*sinh ngày 22/5/2007*). Hiện nay, cháu M và cháu L đã đủ tuổi trưởng thành, cháu L đang chung sống cùng anh B. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Th đồng ý giao cháu Lợi cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy, việc chị Th đồng ý giao cháu L

cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu L (*theo nội dung đơn trình bày nguyện vọng ngày 10/9/2020*) nên HĐXX thống nhất giao cháu L cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi vợ chồng ly hôn. Riêng cháu M và cháu L đã đủ tuổi trưởng thành nên HĐXX không xem xét.

Khi cần thiết, anh B có quyền yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết, chị Th xác nhận không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét. Nhưng sau khi ly hôn, trường hợp có phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Th phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Đinh Kim Th được ly hôn với anh Trần Văn B.

- *Về con chung*: Tiếp tục giao cháu Trần Văn L (*sinh ngày 22/5/2007*) cho anh B trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (*hiện nay cháu L đang chung sống cùng anh B*). Riêng cháu Ngọc M (*sinh ngày 23/8/1999*) và cháu Ngọc L (*sinh ngày 27/4/2000*) hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành nên HĐXX không xem xét.

Khi cần thiết, anh B có quyền yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Chị Th không trực tiếp nuôi con nhưng lạm dụng vào việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh B thì anh B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Th.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc chị Đinh Kim Th chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0005947 ngày 10/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị Th không phải nộp thêm.

- *Quyền kháng cáo*: Chị Th có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 18/02/2021*).

Riêng anh B vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- UBND xã T Th;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

Trịnh Thị Cẩm Linh